TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 20/01/2026
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia nợ chung vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HÀ TĨNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đình Sỹ, ông Nguyễn Huy Đạt.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lê Na - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Tĩnh.

Ngày 20/01/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 93/2025/HNGĐ-ST, ngày 07/11/2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia nợ chung vợ chồng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm và ấn định thời gian mở lại phiên tòa số 03/2026/QĐST – HNGĐ ngày 09/01/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hoàng H, sinh năm 1986; Căn cước công dân số D1; Địa chỉ: Thôn C - D, phường B, tỉnh Hà Tĩnh. (Có mặt)

Bị đơn: Anh Phạm Đăng K, sinh năm 1957; Căn cước công dân số 042057001659; Địa chỉ: Thôn C - D, phường B, tỉnh Hà Tĩnh. (vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Phòng G; Địa chỉ: Đường N, Tổ dân phố E, phường N, tỉnh Hà Tĩnh; Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Bích H1, chức vụ: Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đình L, chức vụ: Phó giám đốc; (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo nội dung đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai và biên bản lấy lời khai chị Trần Thị Hoàng H trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Phạm Đăng K kết hôn với nhau vào ngày 22/8/2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X,

huyện N, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là phường B, tỉnh Hà Tĩnh). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ ngoại tại thôn C - 4 phường B. Cuộc sống vợ chồng bình thường, cho đến tháng 02/2025 phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do chênh lệch tuổi tác, cách sống, suy nghĩ hoàn toàn khác biệt nhau nên không thể gắn kết. Nay chị xác định giữa chị và anh K hạnh phúc hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên xin ly hôn để đảm bảo cuộc sống của hai bên.

- *Về quan hệ con chung:* Quá trình hôn nhân giữa chị và anh Phạm Đăng K có 02 con chung: Phạm Tố V, sinh ngày 10/8/2012, Phạm Hân D, sinh ngày 03/8/2016. Cháu Tố V hiện sống cùng chị và chị gái Trần Thị Trang N (là con riêng của chị) còn cháu Phạm Hân D hiện đang sống cùng anh K. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung Phạm Tố V đến tuổi trưởng thành, giao anh Phạm Đăng K trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Hân D đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:* Tại nội dung đơn khởi kiện chị không yêu cầu Toà án giải quyết. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án chị có đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung đề nghị Tòa án xem xét khoản nợ chung vợ chồng tại Phòng giao dịch Ngân hàng G với số tiền nợ gốc là 40.000.000đ. Ngày 09/12/2025, chị đã thanh toán số tiền nợ gốc và lãi phát sinh là 20.227.300đ, số nợ gốc còn lại 18.000.000đ chị đề nghị Tòa án xem xét buộc anh K trả cho Ngân hàng.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Đăng K trình bày:* Về thời gian, địa điểm kết hôn giống như chị H đã trình bày, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà ông bà ngoại tại thôn C - D phường B. Vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì nhưng đến ngày 21/4/2025 chị H tự ý bỏ đi, nguyên nhân là có mối quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Hiện tại, anh vẫn còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn mà mong muốn chị H quay về để gia đình đoàn tụ nuôi dạy các con. Về con chung giữa anh và chị H có 02 con chung: Phạm Tố V, sinh ngày 10/8/2012, Phạm Hân D, sinh ngày 03/8/2016. Cháu Tố V hiện đang sống cùng chị gái Trần Thị Trang N (là con riêng của chị H) còn cháu Phạm Hân D hiện đang sống cùng anh. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn anh sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Hân D, giao con chung Phạm Tố V cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H phải tự lo hết chi phí nuôi dưỡng cho cháu Phạm Tố V, anh tự lo hết chi phí cho cháu Phạm Hân D, không ai phải đóng góp cấp dưỡng cho ai. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng anh đề nghị Tòa án xem xét các khoản nợ: Nợ Ngân hàng 40.000.000đ. Nợ các quán hàng khác: Nợ bà T hàng thịt 1.000.000đ, bà N ở cổng chào bờ đê nợ cả cũ cả mới 400.000đ, nợ o bán đèn lồng 300.000đ. Nợ bà N chợ huyện 300.000đ.

Người đại diện theo ủy quyền Phòng giao dịch Ngân hàng G ông Trần Đình L trình bày: Ông Phạm Đăng K vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số 402/2023/HĐ-TD ngày 06/11/2023 với số tiền nợ gốc 40.000.000đ, thời hạn vay 36 tháng, hạn trả nợ ngày 10/10/2026. Theo quy định hiện hành của NHCSXH thì các khoản vay

đối với chương trình cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm có mức vay dưới 100 triệu đồng không phải làm thủ tục thế chấp tài sản nên trong hồ sơ vay vốn được Tổ tiết kiệm và vay vốn tại Tổ dân phố X 3-4 bình xét đề nghị cho vay, được UBND xã X, huyện N (Nay là TDP X phường B, tỉnh Hà Tĩnh) xác nhận có dự án được thực hiện tại địa phương, đủ điều kiện đề nghị NHCSXH cho vay. Khi làm hồ sơ vay vốn ông K cam kết: Sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng hạn, nếu sai trái sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật. Ngày 09/12/2025 chị Trần Thị Hoàng H đã thanh toán số tiền nợ gốc và lãi là 20.227.300đ, ngày 23/12/2025, anh Phạm Đăng K đã thanh toán số nợ gốc 8.000.000đ. Tính đến ngày 20/01/2026 khoản vay này còn 10.018.464đ trong đó nợ gốc là 10.000.000đ, nợ lãi 18.464đ đề nghị Tòa án xem xét giải quyết để Phòng giao dịch Ngân hàng G thu hồi nợ vay khi Tòa án giải quyết ly hôn.

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Tĩnh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn vắng mặt tại 02 phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại 02 phiên xét xử là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Hoàng H được ly hôn anh Phạm Đăng K; Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung Phạm Tố V, sinh ngày 10/8/2012 cho chị Trần Thị Hoàng H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); Giao con chung Phạm Hân D, sinh ngày 03/8/2016 cho anh Phạm Đăng K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); Về cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu nên miễn xét. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét; Về nợ chung: Buộc ông Phạm Đăng K trả cho Phòng G số tiền tính đến ngày 20/01/2026 tổng cộng dư nợ gốc, lãi là: 10.018.464đ *(bằng chữ: Mười triệu không trăm mười tám ngàn bốn trăm sáu mươi tư đồng)*. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Chị Trần Thị Hoàng H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, ông Phạm Đăng K là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự theo giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Phạm Đăng K đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi cư trú tại thôn C - 4 phường B, tỉnh Hà Tĩnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: Xét đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung của chị Trần Thị Hoàng H, yêu cầu được ly hôn anh Phạm Đăng K và yêu cầu được nuôi con chung, chia nợ chung do đó xác định đây là vụ án *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia nợ chung vợ chồng"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Phạm Đăng K đã được Tòa án thông báo hợp lệ nhưng đều vắng mặt tại 02 phiên xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Phạm Đăng K theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hoàng H và anh Phạm Đăng K đã tuân thủ các điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 22/8/2011 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là phường B, tỉnh Hà Tĩnh). Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ chị H tại thôn C - 4 phường B, tỉnh Hà Tĩnh. Quá trình chung sống đến tháng 2/2025 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do chênh lệch tuổi tác, cách sống, suy nghĩ hoàn toàn khác biệt nhau nên thiếu sự gắn kết. Hiện tại, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau và đã ly thân gần 01 năm nay. Quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Đăng K không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy các con. Tuy nhiên, Tòa án đã tổ chức 02 buổi công khai chứng cứ và hòa giải, mở 02 phiên xét xử để tạo điều kiện cho các bên suy nghĩ lại về việc ly hôn nhưng cả 02 lần anh Phạm Đăng K đều vắng mặt cho thấy không thiện chí hòa giải, mâu thuẫn với trình bày mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị H khẳng định không còn tình cảm với anh K và giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn.

Từ trình bày của đương sự và trên cơ sở tình trạng hôn nhân thực tế của chị H, anh K, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị Trần Thị Hoàng H được ly hôn anh Phạm Đăng K.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Trần Thị Hoàng H và anh Phạm Đăng K có 02 con chung: Phạm Tố V, sinh ngày 10/8/2012, Phạm Hân D, sinh ngày 03/8/2016. Cháu Tố V hiện sống cùng chị H và chị gái Trần Thị Trang N (là con riêng của chị H) còn cháu Phạm Hân D hiện đang sống cùng anh K. Khi ly hôn, chị H, anh K trình bày mỗi người nuôi một con chung, chị H nuôi cháu Tố V, anh K nuôi cháu Hân D, trình bày của anh chị cũng phù hợp với nguyện vọng và thực tế cuộc sống

hiện tại của các cháu. Do đó, để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, tinh thần của các cháu và không làm xáo trộn cuộc sống sinh hoạt của các cháu khi bố mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, 2 Điều 81, Khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình: Giao con chung Phạm Tố V, sinh ngày 10/8/2012 cho chị Trần Thị Hoàng H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); Giao con chung Phạm Hân D, sinh ngày 03/8/2016 cho anh Phạm Đăng K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); Về cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu nên miễn xét. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Tại nội dung đơn khởi kiện chị H không yêu cầu Toà án giải quyết. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án chị có đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung đề nghị Tòa án xem xét khoản nợ chung vợ chồng tại Phòng giao dịch Ngân hàng G với số tiền nợ gốc là 40.000.000đ. Ngày 09/12/2025, chị đã thanh toán số tiền nợ gốc và lãi phát sinh là 20.227.300đ, số nợ gốc còn lại 18.000.000đ chị đề nghị Tòa án xem xét buộc anh K trả cho Ngân hàng.

Bị đơn anh Phạm Đăng K trình bày về tài sản chung, nợ chung vợ chồng anh đề nghị Tòa án xem xét các khoản nợ: Nợ Ngân hàng 40.000.000đ. Nợ các quán hàng khác: Nợ bà T hàng thịt 1.000.000đ, bà N ở cổng chào bờ đê nợ cả cũ cả mới 400.000đ, nợ o bán đèn lồng 300.000đ. Nợ bà N chợ huyện 300.000đ. Theo nội dung trình bày của anh K, Tòa án đã 02 lần ra thông báo và yêu cầu anh K cung cấp tên tuổi, địa chỉ tổ chức, cá nhân cho vợ chồng vay nợ, số nợ vay, giấy tờ chứng minh nợ để được Tòa án xem xét và giải quyết theo quy định, tuy nhiên anh K không thực hiện.

Xét các khoản nợ chung vợ chồng: Trình bày của vợ chồng về khoản vay tại Phòng giao dịch Ngân hàng G phù hợp với kết quả xác minh và trình bày của đại diện Phòng G. Khoản vay này do ông Phạm Đăng K vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số 402/2023/HĐ-TD ngày 06/11/2023 với số tiền nợ gốc 40.000.000đ, thời hạn vay 36 tháng, hạn trả nợ ngày 10/10/2026. Trên cơ sở trình bày của ông K, chị H thừa nhận nợ chung và yêu cầu Tòa án giải quyết nợ nên được chấp nhận xem xét giải quyết trong vụ án. Đối với các khoản nợ cá nhân khác ông K trình bày, chị H không thừa nhận, ông K không cung cấp tài liệu chứng cứ do đó Tòa án không có cơ sở xem xét khoản nợ ông K vay các cá nhân như ông đã trình bày.

Đối với khoản nợ vay tại Phòng giao dịch Ngân hàng G với số tiền nợ gốc 40.000.000đ. Ngày 09/12/2025 chị Trần Thị Hoàng H đã thanh toán ½ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh là 20.227.300đ. Số nợ gốc còn lại sau khi chị thanh toán là 18.000.000đ, phần chênh lệch chị trả hơn chị không yêu cầu Tòa án xem xét. Về số tiền nợ còn lại này ngày 23/12/2025, anh K đã trả nợ gốc 8.000.000đ. Tính đến ngày 20/01/2026 khoản vay này còn 10.018.464đ trong đó nợ gốc là 10.000.000đ, nợ lãi 18.464đ, anh K cũng đã có bản cam kết trả số nợ này do đó có căn cứ để buộc anh K phải tiếp tục thanh toán cho Phòng G số tiền còn lại của khoản vay tính đến ngày xét xử 20/01/2026 là 10.018.464đ.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị Hoàng H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Phạm Đăng K là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự theo giá ngạch.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1.Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 1, 2 Điều 81, Khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1 Điều 24, điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Hoàng H.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Hoàng H được ly hôn anh Phạm Đăng K.

3. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung Phạm Tố V, sinh ngày 10/8/2012 cho chị Trần Thị Hoàng H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); Giao con chung Phạm Hân D, sinh ngày 03/8/2016 cho anh Phạm Đăng K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); Về cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu nên miễn xét. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

Về nợ chung: Buộc anh Phạm Đăng K trả cho Phòng G số tiền tính đến ngày 20/01/2026 tổng cộng dư nợ gốc, lãi là: 10.018.464đ *(bằng chữ: Mười triệu không trăm mười tám ngàn bốn trăm sáu tư đồng),* trong đó nợ gốc 10.000.000đ, nợ lãi 018.464đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Hoàng H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 0000491, ngày 07/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh. Tiền án phí chị H đã nộp đủ.

Miễn toàn bộ án phí dân sự cho anh Phạm Đăng K.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trần Thị Hoàng H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phòng giao dịch Ngân hàng G được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Phạm Đăng K được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án; yêu cầu người phải thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND khu vực 3 - Hà Tĩnh;
- THA Dân sự tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND phường Bắc Hồng Lĩnh (để xóa ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hạnh